

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TÀI CHÍNH
Số: 2660/STC-HCSN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Đắk Nông, ngày 22 tháng 12 năm 2017

V/v đăng tải lấy ý kiến dự thảo
Quyết định của Ủy ban nhân
dân tỉnh trên Cổng thông tin
điện tử của tỉnh

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 7060/UBND-KTKH ngày 14/12/2017 về việc xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.

Để thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành, Sở Tài chính đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông để lấy ý kiến (có dự thảo văn bản gửi kèm).

Sở Tài chính đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCSN.

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHỤ GIÁM ĐỐC


Phan Thị Hiền

Số: /2017/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ
ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính
sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ qui định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm; Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua Chương trình việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 730/TTg-KTTH ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải thể quỹ giải quyết việc làm tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), về việc ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH và Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 của Tổng giám đốc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 86/QĐ-NHCS này 10/01/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ các văn bản hiện hành của Tổng giám đốc NHCSXH về hướng dẫn thực hiện cơ chế, quy trình, thủ tục cho vay của các chương trình tín dụng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 2027/QĐ-UBND, ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Nông để cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Chi nhánh NNHCSXH tỉnh Đắk Nông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Tổng giám đốc NNHCSXH;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa
phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã
hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày / /2017
của Ủy ban nhân tỉnh Đắk Nông)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội của địa phương.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện, thị xã ủy thác qua NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội đối với cấp huyện), Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; các tổ chức Chính trị - xã hội nhận ủy thác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện, thị xã ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn được quản lý và sử dụng theo quy định tại quy chế này.

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điểm 1, Điều 8 quy định này.

4. Bổ sung từ Quỹ dự phòng rủi ro quy định tại Điểm 5 Điều 9 quy chế này.

Điều 3. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh không đúng mục đích. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp.

1. Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký Hợp đồng ủy thác với chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện, thị xã: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (sau đây viết tắt là cấp huyện) ủy quyền cho phòng Tài chính - Kế hoạch ký Hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH các huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Đối tượng cho vay

1. Đối với cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay tương ứng hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Một số đối tượng chính sách khác đặc thù tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với cho vay đối tượng chính sách theo quy định đặc thù của địa phương được quy định tại Điểm c Mục 1 Khoản II Nội dung hoạt động của Chương trình việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. Cụ thể đối tượng áp dụng là người lao động là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, hộ có kinh tế khó khăn (có xác nhận của địa phương) được vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Nguồn vốn cho vay: Nguồn vốn của ngân sách ủy thác cho NHCSXH.

b) Địa bàn cho vay: Tất cả các đơn vị hành chính thuộc địa bàn tỉnh Đắk Nông.

c) Mức cho vay tối đa:

Vay vốn để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài mức cho vay tối đa là bằng 100% chi phí hợp lệ, hợp pháp được ghi trong Hợp đồng đưa đi làm việc ở nước ngoài nhưng không vượt quá trần chi phí của Bộ Lao động Thương binh và

Xã hội quy định (Năm 2016 áp dụng tại văn bản số 3990/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 16/10/2013).

- Trường hợp mức cho vay trên 50 triệu đồng/lao động thì người vay phải có tài sản đảm bảo tiền vay theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn thực hiện đảm bảo tiền vay của NHCSXH.

d) Lãi suất cho vay: Áp dụng theo mức lãi suất chương trình cho vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ theo từng thời kỳ (hiện tại mức lãi suất cho vay là 0,55%/tháng, tương đương 6,6%/năm).

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng (=) 130% so với lãi suất trong hạn.

- Khi Thủ tướng Chính phủ thay đổi lãi suất Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo mức lãi suất cho vay mới.

đ) Quy trình, thủ tục cho vay:

Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, hộ có kinh tế khó khăn vay vốn để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài; Áp dụng thủ tục, quy trình và sản phẩm cho vay theo quy định của NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.

e) Thời hạn cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

Điều 7. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được theo dõi hạch, toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng giám đốc NHCSXH.

Điều 8. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, thị xã với mức 0,45%/tháng trên dư nợ bình quân, chi cho các nội dung sau:

- Chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn; chi trả phí ủy thác cho các tổ chức Chính trị - Xã hội nhận ủy thác (với mức tối đa là 0,125%/tháng tính trên số dư nợ có thu được lãi);

- Chi phí các hoạt động quản lý của Ngân hàng chính sách xã hội;

Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội, đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện phối hợp với Sở Tài chính (Phòng Tài chính kế hoạch đối với cấp huyện), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động-TBXH đối với cấp huyện) tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã xem xét, xử lý;

c) Trích 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (đối với vốn tỉnh ủy thác) Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã (đối với vốn vốn huyện, thị xã ủy thác) các Sở, ngành, Phòng, ban liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Vốn tỉnh, thị xã Gia Nghĩa ủy thác chi nhánh tỉnh trích lập, vốn huyện ủy thác Phòng giao dịch trích lập (việc thực hiện tính và trích lập vào cuối mỗi tháng).

Trong đó cụ thể:

- Trích 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, huyện, thị xã;

- Trích 5% số tiền lãi thu được để chi cho Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) là 2,5% và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - TBXH đối với cấp huyện) là 2,5% trong công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát.

d) Sau khi trừ các khoản chi phí và trích theo tỷ lệ % nêu trên, số tiền lãi thực thu còn lại (nếu có) được bổ sung nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi:

a) Đối với phí quản lý nguồn vốn ủy thác: Chi nhánh NHCSXH, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện thực hiện các nội dung chi, mức chi, quản lý và quyết toán theo quy định pháp luật hiện hành và quy định của NHCSXH.

b) Đối với nội dung chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại tiết c khoản 1 Điều 8 của Quy chế này:

- Nội dung và mức chi:

+ Chi tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi. Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

+ Chi tập đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

+ Chi công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thực hiện theo Nghị quyết số 34/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

+ Chi mua sắm trang thiết bị, dụng cụ văn phòng phục vụ công tác cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện, thị xã ủy thác qua NHCSXH. Thực hiện theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Chi cho công tác khảo sát, điều tra, đánh giá và kiểm tra, giám sát công tác hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

+ Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay, chủ dự án, người vay vốn sử dụng vốn vay hiệu quả; Thực hiện theo Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

+ Chi hỗ trợ văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động ủy thác vốn cho vay. Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ chi tiêu theo quy định;

+ Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác hoạt động ủy thác vốn cho vay (nếu có): Theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ theo đúng quy định.

- Đối với 10% trích cho Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, huyện, thị xã: Với các khoản chi khác ngoài các nội dung chi nêu trên chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện trình Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã xem xét, quyết định.

3. Trường hợp số lãi thực thu không đủ bù đắp các khoản về chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, các Sở, ngành, Phòng, ban liên quan thì Chi nhánh

NHCSXH, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã phối hợp với Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã để xem xét xử lý bổ sung nguồn vốn từ ngân sách để cấp bù chi phí quản lý cho NHCSXH hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh, huyện đã chuyển qua NHCSXH.

4. Đối với khoản lãi hình thành do chênh lệch giữa số dư nguồn vốn và số dư nợ cho vay gửi tại các tổ chức tín dụng, Chi nhánh NHCSXH tỉnh mở và hàng tháng hạch toán vào tài khoản riêng, đến ngày 31/12/2012 tự hạch toán bổ sung vào nguồn vốn của Quỹ theo quy định.

Điều 9. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Các trường hợp bị rủi ro do nguyên nhân khách quan vay vốn từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản khách hàng, nguyên tắc xử lý nợ, biện pháp xử lý nợ, thời điểm xem xét xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, các Bộ ngành có liên quan về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác ngoài qui định nêu trên, NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã phối hợp với Sở Lao động – TB&XH (Phòng Lao động – TBXH đối với cấp huyện), Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo chủ tịch UBND tỉnh, chủ tịch UBND các huyện, thị xã xem xét, quyết định đảm bảo đúng quy định.

3. Thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro

a) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định đối với việc gia hạn nợ; tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH tỉnh, huyện đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Chủ tịch UBND tỉnh, huyện, thị xã quyết định việc xóa nợ gốc và lãi cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH tỉnh, huyện; thẩm định của Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

4. Nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro

- Nguồn vốn để xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập và bù đắp theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

- Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập không đủ thì Chi nhánh NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện), Sở Lao động - TB&XH (Phòng Lao động - TBXH đối với cấp huyện) tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, huyện, thị xã bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trừ trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh, huyện đã chuyển qua NHCSXH.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 10. Chế độ báo cáo

a) Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh, thị xã Gia Nghĩa ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác;

b) Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm chung của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với UBND cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Hàng năm trên cơ sở dự toán của NHCSXH, xem xét cân đối và tham mưu UBND tỉnh, huyện, thị xã trình Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thị xã bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện, thị xã ủy thác NHCSXH để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn đảm bảo kịp thời;

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của nợ xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương và những trường hợp rủi ro ngoài qui định theo Điểm 1 Điều 9 cơ chế này;

c) Thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 8 Quy chế này.

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 8 Quy chế này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cấp huyện) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với UBND cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã:

a) Hàng năm theo dõi, quản lý và kiểm tra, giám sát nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác NHCSXH cho vay và tổng hợp, định kỳ quý, 6 tháng và năm báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện .

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về Chương trình việc làm bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm & vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Nông, Phòng giao dịch NHCSXH huyện

a) Hàng năm định kỳ tháng 7 lập Kế hoạch nguồn vốn để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và các chi phí có liên quan gửi Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) tổng hợp tham mưu UBND tỉnh, huyện trình HĐND cùng cấp quyết định; tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo UBND tỉnh, huyện (đồng gửi Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) về kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển qua NHCSXH, số tiền lãi thực thu tại thời điểm báo cáo (báo cáo quý trước ngày 20 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo quyết toán hàng năm về nguồn vốn ủy thác trước ngày 31/01 của năm sau).

đ) Đối với kinh phí Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp được hưởng trong năm: kết thúc năm, NHCSXH các cấp báo cáo, tổng hợp quyết toán số kinh phí đã sử dụng trong năm gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trước ngày 30/01 năm sau.

5. UBND các huyện, thị xã trực thuộc tỉnh

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

6. UBND xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn, kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn. Có ý kiến về đề nghị, xử lý nợ rủi ro của người vay

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn...hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia Tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi...

7. Trách nhiệm của người vay

a) kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích

c) Hoàn trả gốc lãi đúng qui định

d) Chịu sự kiểm tra giám sát của các đơn vị có liên quan

Điều 12. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh Xã hội và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để phối hợp nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Điều khoản bổ sung:

Khi các văn bản pháp luật nêu tại Điều 6 của Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo các quy định đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hiện hành. Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - TB&XH trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**